

Số: /BC-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 1**BÁO CÁO****Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của Dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Bộ Xây dựng đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

- Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng.
- Việc rà soát bảo đảm khách quan, chính xác, bám sát các quan điểm chỉ đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước; đánh giá việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của các chính sách với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**a) Phạm vi, đối tượng rà soát:**

- Các chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến chính sách của dự án Luật.
- Các văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực liên quan đến chính sách của dự án Luật.
- Các Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của dự án Luật.

b) Nội dung rà soát:

- Rà soát, so sánh, đối chiếu nội dung chính sách của dự án Luật để xác định mức độ thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến quản lý, phát triển vật liệu xây dựng và đề xuất hướng xử lý khi quy phạm hóa chính sách.
- Rà soát, so sánh, đối chiếu nội dung chính sách của dự án Luật với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất; xác định nội dung cần kế thừa, dẫn chiếu, sửa đổi, bổ sung hoặc xử lý để tránh mâu thuẫn, chồng chéo.

- Rà soát, so sánh, đối chiếu nội dung chính sách của dự án Luật với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để đánh giá tính tương thích, đồng thời xác định yêu cầu cần tiếp tục tuân thủ khi quy định chi tiết và tổ chức thi hành.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách của Dự án Luật

a) Các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách của dự án Luật:

Các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan trực tiếp hoặc có ý nghĩa định hướng đối với chính sách của dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng gồm các văn bản chủ yếu sau:

- Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc mô hình tăng trưởng, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp phát thải các-bon thấp, theo đó: *“Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng; tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái. Thúc đẩy phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực, các vùng, miền, ở từng cấp độ. Từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch, chuyển mạnh sang phát triển và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Có chính sách thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên”*. Trong bối cảnh đó, phát triển ngành vật liệu xây dựng theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, phát thải thấp, gắn với kinh tế tuần hoàn là một trong những nội dung cụ thể hóa quan điểm, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật yêu cầu: *“Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; bảo đảm cơ sở pháp lý và các điều kiện để đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, không đầy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong ban hành và tổ chức thi hành pháp luật. Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài.”*

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nhiệm vụ *“tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành*

các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền địa phương.”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nền tảng, động lực then chốt của phát triển nhanh, bền vững; nhấn mạnh yêu cầu gắn kết chặt chẽ giữa phát triển các ngành công nghiệp nền tảng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn; đồng thời yêu cầu: *“khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực”.*

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị đã đề ra chiến lược “đột phá” trong quá trình hội nhập, yêu cầu nâng cao vị thế đất nước như một trung tâm đổi mới sáng tạo, sản xuất thông minh, khởi nghiệp và đầu tư công nghệ cao. Hội nhập không chỉ dừng lại ở thế tiếp nhận, mà còn tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp vào các lĩnh vực mới, tạo ra sức mạnh chung để phát huy nội lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính; giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ pháp luật và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tăng cường hậu kiểm.

- Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và các chương trình, kế hoạch triển khai của Quốc hội, Chính phủ đã xác định nhiệm vụ xây dựng Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng.

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” yêu cầu *đẩy mạnh xây dựng đồng bộ thể chế kiến tạo và phát triển bền vững; phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính; khẩn trương tháo gỡ các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, tập trung rà soát, hoàn thiện pháp luật về đầu tư kinh doanh, đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng; chuẩn hóa, số hóa quy trình, liên thông, chia*

sở dữ liệu và rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Kết luận đồng thời đặt yêu cầu hiện đại hóa nền công nghiệp, phát triển vật liệu mới, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đây là căn cứ chính trị quan trọng để chính sách Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng được thiết kế theo hướng kiến tạo phát triển, phân cấp, quản lý bằng tiêu chuẩn, dữ liệu và hậu kiểm, không tạo thêm thủ tục hành chính hoặc điều kiện kinh doanh không cần thiết.

- Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/07/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 31-CTTr/TW ngày 28/07/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/07/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới đã đặt ra nhiệm vụ *“Hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và chủ động xây dựng thể chế thúc đẩy kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp”*. Trong đó, ngành VLXD, đặc biệt các vật liệu mới và công nghệ sạch, sẽ đóng vai trò quan trọng, thúc đẩy kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Kết luận số 76-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp *yêu cầu khẩn trương rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật; tháo gỡ điểm nghẽn, mâu thuẫn, chồng chéo phát sinh trong thực tiễn; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Đối với lĩnh vực liên ngành, Kết luận định hướng một việc có một cơ quan chủ trì, một đầu mối chịu trách nhiệm chính, một nguồn dữ liệu dùng chung, một quy trình phối hợp liên thông và một cơ chế kiểm tra, giám sát rõ ràng. Đây là căn cứ quan trọng để thiết kế cơ chế quản lý nhà nước về VLXD theo hướng rõ trách nhiệm, tăng liên thông dữ liệu và phân cấp thực chất cho địa phương.*

- Kết luận số 83-KL/TW ngày 08/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam xác định *phát triển công nghiệp vật liệu là nhiệm vụ chiến lược của quốc gia; đối với nhóm vật liệu cơ bản, trong đó có vật liệu xây dựng, yêu cầu giữ vững năng lực sản xuất, ổn định cung ứng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; cơ cấu lại theo hướng hiện đại, xanh, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, phát triển kinh tế tuần hoàn; hình thành chuỗi cung ứng nguyên liệu ổn định, gắn với hạ tầng chiến lược và logistics; chủ động điều tiết quy mô, cơ cấu một số ngành vật liệu xây dựng phù hợp nhu cầu thị trường; thúc đẩy vật liệu không nung, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu thay thế cát tự nhiên; hoàn thiện cơ sở dữ liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu về phát thải các-bon.*

- Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới yêu cầu *phát triển ngành vật liệu xây dựng bền vững, tự chủ, có năng lực*

cạnh tranh quốc tế; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sản xuất, sử dụng vật liệu xanh, sạch, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, vật liệu thay thế, vật liệu tái chế, giảm phát thải. Chỉ thị đồng thời yêu cầu rà soát, hoàn thiện hệ thống quy hoạch, chiến lược; nghiên cứu ban hành Luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng; xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính; nghiên cứu cơ chế đặc thù bảo đảm vật liệu san lấp cho công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức và cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng. Đây là căn cứ chính trị trực tiếp và quan trọng nhất đối với việc xây dựng Luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng.

b) Đánh giá về sự phù hợp của 06 chính sách dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng:

Qua rà soát, 06 chính sách của dự án Luật gồm: (1) Hoàn thiện công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng; (2) Hoàn thiện chính sách phát triển vật liệu xây dựng theo hướng đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng và thúc đẩy phát triển vật liệu xây dựng mới, vật liệu xanh; (3) Hoàn thiện cơ chế quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng theo cơ chế thị trường, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường; (4) Hoàn thiện quy định về sử dụng vật liệu xây dựng trong công trình xây dựng; (5) Thúc đẩy thu hồi, tái chế chất thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong công trình xây dựng; phát triển kinh tế tuần hoàn; (6) Quản lý nhà nước, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng. Các chính sách có cơ sở chính trị rõ ràng, phù hợp với định hướng đã được xác định trong Tờ trình chính sách và kết quả tổng kết thi hành pháp luật.

- Chính sách 1 về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển VLXD phù hợp với Chỉ thị số 03-CT/TW, Kết luận số 83-KL/TW, Kết luận số 17-KL/TW, Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW. Trọng tâm thể chế hóa là xác lập vị trí, chức năng và quan hệ giữa Chiến lược phát triển VLXD, hệ thống quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch và Kế hoạch phát triển VLXD của địa phương; nâng cao chất lượng dự báo, theo dõi và tổ chức thực hiện, không quay lại cơ chế quy hoạch sản phẩm, ấn định công suất hoặc sử dụng kế hoạch làm điều kiện đầu tư.

- Chính sách 2 về phát triển VLXD phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kết luận số 18-KL/TW, Chỉ thị số 03-CT/TW, Kết luận số 83-KL/TW, Kết luận số 81-KL/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW. Trọng tâm thể chế hóa là đổi mới, hiện đại hóa công nghệ; sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng; bảo đảm chất lượng; phát triển vật liệu mới, vật liệu xanh và kết nối chuỗi nghiên cứu - chế tạo mẫu - sản xuất thử - thử nghiệm, đánh giá - tiêu chuẩn hóa - chuyển giao - thương mại hóa với các cơ chế hỗ trợ hiện hành; không thiết lập hệ thống ưu đãi, quỹ, giấy phép hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh riêng cho ngành VLXD.

- Chính sách 3 về chế biến, sử dụng nguyên liệu và bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu VLXD thông thường phù hợp với Chỉ thị số 03-CT/TW,

Kết luận số 83-KL/TW và Kết luận số 18-KL/TW. Chính sách thể chế hóa yêu cầu sử dụng nguyên liệu tiết kiệm, hiệu quả, chế biến sâu, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu hợp pháp, hình thành chuỗi cung ứng ổn định; đồng thời bổ sung cơ chế dự báo, cảnh báo, phối hợp liên tỉnh, liên vùng đối với cát, đá, vật liệu san lấp phục vụ phát triển hạ tầng. Việc điều phối phải dựa trên dữ liệu, pháp luật chuyên ngành và cơ chế thị trường, không hình thành cơ chế phân bổ hành chính nguồn cung.

- Chính sách 4 về sử dụng VLXD trong công trình phù hợp với Chỉ thị số 03-CT/TW, Kết luận số 83-KL/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW và định hướng cải cách tại Kết luận số 18-KL/TW. Chính sách cần kết nối quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa với quản lý chất lượng công trình; kế thừa kết quả đánh giá sự phù hợp; tạo hành lang kỹ thuật cho vật liệu mới, vật liệu xanh, vật liệu tái chế khi đáp ứng yêu cầu; không quy định lại thủ tục thi công, giám sát, nghiệm thu hoặc kiểm tra chất lượng đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh.

- Chính sách 5 về thu hồi, tái chế chất thải làm nguyên liệu sản xuất VLXD và sử dụng trong công trình; phát triển kinh tế tuần hoàn phù hợp với Kết luận số 81-KL/TW, Chỉ thị số 03-CT/TW, Kết luận số 75-KL/TW và Kết luận số 83-KL/TW. Chính sách cần làm rõ cầu nối từ quản lý chất thải sang sử dụng nguồn vật liệu thứ cấp; phân biệt vật liệu thu hồi trực tiếp để tái sử dụng, tái chế với chất thải đã phát sinh; xác định nguyên tắc để chất thải, phế thải, phụ phẩm hoặc vật liệu thu hồi được sử dụng làm nguyên liệu/sản phẩm VLXD khi đáp ứng yêu cầu. Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý và nghĩa vụ môi trường tiếp tục thực hiện theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chính sách 6 về quản lý nhà nước, chuyển đổi số và cơ sở dữ liệu VLXD phù hợp với Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 18-KL/TW, Kết luận số 76-KL/TW, Chỉ thị số 03-CT/TW, Kết luận số 83-KL/TW và Kết luận số 121-KL/TW. Trọng tâm là xác định rõ phạm vi, nguyên tắc phối hợp và phân cấp quản lý nhà nước; hình thành Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu VLXD dùng chung, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu; phục vụ dự báo, hậu kiểm và quản lý theo rủi ro. Nội dung hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xử lý chủ yếu trong Chính sách 2 để tránh trùng lặp giữa các nhóm chính sách.

Nhìn chung, 06 chính sách của dự án Luật phù hợp với định hướng xây dựng pháp luật kiến tạo phát triển, quản lý bằng chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn, dữ liệu và hậu kiểm; đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp vật liệu hiện đại, xanh, tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo đảm nguồn cung vật liệu thiết yếu và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Khi quy phạm hóa cần tiếp tục bám sát phạm vi của từng chính sách, chỉ luật hóa các nguyên tắc ổn định và dẫn chiếu các thủ tục, điều kiện, ưu đãi đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh.

Việc thiết kế 06 chính sách cũng được đối chiếu với kết quả triển khai Kết luận số 18-KL/TW: Chính phủ đã ban hành 11 Nghị quyết về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Kết quả này là căn cứ để tiếp tục rà soát dự án Luật theo nguyên tắc không khôi phục thủ tục, điều kiện kinh doanh đã

được cắt giảm; ưu tiên phân cấp, hậu kiểm, tiêu chuẩn, quy chuẩn và dữ liệu làm công cụ quản lý.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách của dự án Luật

2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát

Để phục vụ việc xây dựng dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến chính sách và nội dung điều chỉnh của dự án Luật, bao gồm:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng; các văn bản quy định về quản lý chất lượng công trình và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD;
- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15; Nghị định số 70/2026/NĐ-CP và pháp luật về quy hoạch có liên quan;
- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP; các quy định có liên quan đến chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản làm VLXD;
- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; Luật Đất đai và các pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, mua sắm công có liên quan;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các văn bản quy định chi tiết về quản lý chất thải, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính, phân loại xanh và các cơ chế môi trường có liên quan;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 70/2025/QH15; Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15; Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn;
- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 77/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn;
- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15; Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết;

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và các pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, tín dụng, tài chính xanh có liên quan đến đầu tư, R&D, đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường;

- Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; các quy định về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

- Luật Quản lý ngoại thương, Luật Cạnh tranh, Luật Giá, Luật Thương mại và các văn bản có liên quan đến lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu, thị trường và giá VLXD và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trực tiếp đến phạm vi của từng chính sách dự án Luật.

2.2. Kết quả rà soát

a) Chính sách 1: Hoàn thiện công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng

Luật Quy hoạch và pháp luật về xây dựng đã hình thành các công cụ chính có liên quan gồm hệ thống quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch, Chiến lược phát triển VLXD ở cấp quốc gia và Kế hoạch phát triển VLXD của địa phương theo Nghị định số 209/2026/NĐ-CP. Các công cụ này có chức năng định hướng, dự báo, tổ chức thực hiện chính sách, không phải thủ tục chấp thuận đầu tư và không phải cơ chế ấn định công suất, sản lượng.

Khoảng trống cần xử lý ở cấp luật là vị trí pháp lý, chức năng và mối quan hệ giữa Chiến lược - hệ thống quy hoạch - Kế hoạch địa phương; cơ chế theo dõi, đánh giá trên cơ sở dữ liệu. Trường hợp nghiên cứu quy hoạch đối với một số ngành vật liệu nền tảng phải thực hiện trong đúng hệ thống quy hoạch, không khôi phục mô hình quy hoạch sản phẩm, hàng hóa.

Do đó, Chính sách 1 bảo đảm tính thống nhất nếu Luật chỉ quy định khung về Chiến lược, Kế hoạch và nguyên tắc kết nối với quy hoạch; trình tự quy hoạch tiếp tục thực hiện theo pháp luật về quy hoạch; Kế hoạch phát triển VLXD của địa phương không được sử dụng làm điều kiện đầu tư kinh doanh.

b) Chính sách 2: Hoàn thiện chính sách phát triển vật liệu xây dựng theo hướng đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng và thúc đẩy phát triển vật liệu xây dựng mới, vật liệu xanh

Pháp luật hiện hành đã có tương đối đầy đủ các công cụ chung về đầu tư, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, công nghệ cao, thuế, đất đai, tín dụng, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu

quả, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và Nghị định số 209/2026/NĐ-CP đã trực tiếp xác lập chính sách khuyến khích nghiên cứu, đầu tư phát triển và sử dụng vật liệu mới, vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh.

Các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ về R&D, đổi mới công nghệ, thuế, tín dụng, đất đai, tài chính xanh và bảo vệ môi trường được thiết kế theo điều kiện của từng pháp luật chuyên ngành. Khoảng trống chủ yếu là thiếu căn cứ chuyên ngành để nhận diện nhóm vật liệu, công nghệ ưu tiên và kết nối chuỗi nghiên cứu - chế tạo mẫu - sản xuất thử - thử nghiệm, đánh giá - tiêu chuẩn hóa - chuyển giao - thương mại hóa.

Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã chuyển theo hướng quản lý dựa trên rủi ro, tăng trách nhiệm của doanh nghiệp và hậu kiểm. Vì vậy, Luật VLXD không cần thiết kế thêm hệ thống chứng nhận, kiểm tra chất lượng độc lập hoặc cơ chế ưu đãi riêng; cần quy định mục tiêu, nguyên tắc, nhóm đối tượng ưu tiên và cơ chế kết nối với các chính sách hỗ trợ hiện hành.

Chính sách 2 bảo đảm tính thống nhất nếu mức ưu đãi, nguồn lực, điều kiện, thủ tục tiếp tục thực hiện theo pháp luật về đầu tư, khoa học - công nghệ, thuế, tín dụng, đất đai, môi trường và pháp luật có liên quan; không tạo quỹ, giấy phép hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh trùng lặp.

c) Chính sách 3: Hoàn thiện cơ chế quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng theo cơ chế thị trường, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường

Luật Địa chất và khoáng sản và các văn bản hướng dẫn đã điều chỉnh điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, thu hồi và quyền khai thác khoáng sản. Pháp luật VLXD cần tập trung vào khâu chế biến, lựa chọn, sử dụng và thị trường nguyên liệu sau khi nguồn nguyên liệu được hình thành hợp pháp; bảo đảm quyền chủ động lựa chọn, mua bán và đa dạng hóa nguồn nguyên liệu của doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, gắn với truy xuất nguồn gốc và chất lượng.

Đối với cát, đá, vật liệu san lấp và VLXD thông thường phục vụ dự án hạ tầng, thực tiễn cho thấy có thể phát sinh thiếu hụt cục bộ theo vùng, thời điểm. Vấn đề chủ yếu nằm ở tiến độ chuẩn bị nguồn mỏ, công suất khai thác, logistics, thông tin nhu cầu dự án và phối hợp liên tỉnh, liên vùng. Khung pháp luật hiện hành đã giao trách nhiệm theo dõi cung - cầu, nhưng cần có nguyên tắc ổn định ở cấp luật về dự báo, cảnh báo và phối hợp.

Chính sách 3 cần bổ sung cơ chế bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu VLXD thông thường dựa trên dữ liệu, dự báo sớm và phối hợp liên ngành, liên vùng; theo dõi nhu cầu công trình trọng điểm, nguồn cung hợp pháp, công suất, giá và khả năng vận chuyển. Biện pháp huy động, điều chỉnh nguồn cung cụ thể phải thực hiện theo pháp luật về địa chất, khoáng sản, đầu tư, môi trường và pháp luật có liên quan, không thiết lập cơ chế phân bổ hành chính vật liệu.

Đồng thời, Luật cần luật hóa nguyên tắc sử dụng nguyên liệu tiết kiệm, hiệu quả, đúng cấp chất lượng; khuyến khích chế biến sâu, tận dụng khoáng sản đi kèm,

đất đá thải mỏ, quặng đuôi, nguyên liệu tái chế và nguyên liệu thay thế khi đáp ứng yêu cầu; kết nối dữ liệu nguyên liệu với cơ sở dữ liệu VLXD. Cách tiếp cận này bảo đảm phân định rõ với pháp luật khoáng sản và phù hợp cơ chế thị trường.

d) Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về sử dụng vật liệu xây dựng trong công trình xây dựng

Luật Xây dựng, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tiêu chuẩn - quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 209/2026/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết đã tạo khuôn khổ tương đối đầy đủ từ chất lượng sản phẩm trước lưu thông đến lựa chọn, bảo quản, thi công, giám sát và nghiệm thu tại công trình.

Khoảng trống cần xử lý là nguyên tắc phân định và kết nối giữa quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa với quản lý chất lượng công trình; công nhận, kế thừa kết quả đánh giá sự phù hợp; hành lang kỹ thuật đối với vật liệu mới, vật liệu tái chế hoặc vật liệu chưa có đầy đủ tiêu chuẩn, định mức, phương pháp thử; cơ chế thúc đẩy nhóm VLXD ưu tiên trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật và hiệu quả kinh tế.

Do đó, Luật VLXD chỉ nên quy định yêu cầu chuyên ngành đối với vật liệu và nguyên tắc sử dụng, chia sẻ hồ sơ chất lượng, dữ liệu truy xuất; trách nhiệm thi công, giám sát, nghiệm thu tiếp tục thực hiện theo pháp luật xây dựng. Không hình thành thủ tục cấp phép sản phẩm hoặc yêu cầu thử nghiệm lặp lại nếu đã có kết quả đánh giá sự phù hợp hợp pháp, trừ trường hợp có căn cứ về rủi ro hoặc yêu cầu sử dụng đặc thù.

đ) Chính sách 5: Thúc đẩy thu hồi, tái chế chất thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong công trình xây dựng; phát triển kinh tế tuần hoàn

Luật Bảo vệ môi trường đã quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, xử lý chất thải và kinh tế tuần hoàn; pháp luật về VLXD, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn - quy chuẩn tiếp tục điều chỉnh yêu cầu kỹ thuật, chất lượng khi chất thải, phế thải, phụ phẩm hoặc vật liệu thu hồi được đưa vào chuỗi sản xuất và sử dụng VLXD. Vì vậy, Luật VLXD không cần thiết lập quy trình quản lý chất thải song song.

Kết quả tổng kết thi hành cho thấy, việc sử dụng tro, xỉ, thạch cao và một số dòng phế thải làm nguyên liệu VLXD đã có chuyển biến; đồng thời hệ thống tiêu chuẩn đã từng bước bổ sung cho cốt liệu tái chế và vật liệu tái chế từ phế thải xây dựng. Tuy nhiên, thị trường vật liệu thứ cấp, tiêu chuẩn cho một số nguồn nguyên liệu và cơ chế kết nối giữa chủ nguồn thải - cơ sở xử lý - cơ sở sản xuất - người sử dụng vẫn chưa đồng bộ.

Qua rà soát, cần phân biệt vật liệu được thu hồi trực tiếp từ hoạt động phá dỡ để tái sử dụng, tái chế với chất thải rắn đã phát sinh và phải tuân thủ quy trình quản lý môi trường; làm rõ hướng sử dụng đối với đất, đá, bùn, chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp, đất đá thải mỏ, quặng đuôi và phụ phẩm theo từng mục đích. Điểm chuyển từ chất thải/phế thải sang nguyên liệu, sản phẩm phải gắn với yêu cầu môi trường, tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng tương ứng.

Do đó, Chính sách 5 cần quy định ở cấp luật nguyên tắc khuyến khích thu hồi, tái sử dụng, tái chế; điều kiện sử dụng nguồn vật liệu thứ cấp trong sản xuất và công trình; phát triển thị trường vật liệu tái chế và thông tin nguồn cung - sản phẩm. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; thủ tục liên quan đến đất đá thải bỏ, quặng đuôi; các ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, môi trường, khoa học - công nghệ tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

e) Chính sách 6: Quản lý nhà nước, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng

Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Xây dựng, Luật Địa chất và Khoáng sản, Luật Dữ liệu, Luật Chuyển đổi số, Nghị định số 209/2026/NĐ-CP và các quy định về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng đã tạo nền tảng pháp lý cho phân công quản lý, phân cấp, số hóa và chia sẻ dữ liệu trong lĩnh vực VLXD.

Khoảng trống hiện nay là dữ liệu về năng lực sản xuất, sản lượng, nguồn nguyên liệu, chất lượng, tiêu chuẩn áp dụng, giá, cung - cầu và thị trường còn phân tán; chưa xác định đầy đủ nguồn dữ liệu gốc, mã định danh, chuẩn kết nối, kỳ cập nhật và nguyên tắc tái sử dụng dữ liệu. Bên cạnh đó, việc phân định trách nhiệm, phối hợp giữa các cơ quan đối với một số khâu của chuỗi VLXD cũng cần được quy định làm rõ để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất; tăng cường công tác quản lý đối với vật liệu mới, vật liệu tái chế.

Chính sách 6 phù hợp nếu Luật quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước; xác định các nội dung quản lý đặc thù, nguyên tắc phối hợp và phân cấp; xây dựng Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu VLXD dùng chung, kết nối với dữ liệu xây dựng, khoáng sản, môi trường, doanh nghiệp, đầu tư, hải quan và các hệ thống liên quan; thực hiện nguyên tắc không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại dữ liệu cơ quan nhà nước đã có và có thể khai thác hợp pháp; tăng cường phân tích dữ liệu, công cụ số và quản lý theo rủi ro.

Tổng hợp kết quả rà soát cho thấy 06 chính sách không đòi hỏi phải thiết lập thêm thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc chế độ quản lý song song với pháp luật chuyên ngành. Nội dung cần quy định trong Luật sẽ tập trung vào các nguyên tắc chuyên ngành ổn định, các điểm nối giữa các hệ thống pháp luật và cơ chế dữ liệu, phối hợp quản lý; các điều kiện, trình tự, tiêu chuẩn kỹ thuật và mức ưu đãi cụ thể tiếp tục thực hiện theo pháp luật tương ứng.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến Chính sách

STT	Số / Ký hiệu công ước	Tên công ước / Điều ước quốc tế	Loại công ước / Phạm vi điều chỉnh chính	Ngày thông qua / Ký kết	Việt Nam gia nhập/ Phê chuẩn	Tình trạng
I. Nhóm Điều ước về Thương mại, Tiêu chuẩn kỹ thuật và Tự do hóa hàng hóa						

1	WTO TBT	Hiệp định về các Rào cản kỹ thuật trong Thương mại của WTO (Agreement on Technical Barriers to Trade) • Quy định về ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật không tạo rào cản cản trở thương mại quốc tế phi lý.	Thương mại đa phương / Quy chuẩn & Tiêu chuẩn kỹ thuật	1994 (Vòng Uruguay)	11/01/2007 (Gia nhập WTO)	Còn hiệu lực
2	EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EU - Vietnam Free Trade Agreement) • Điều 2.7: Xóa bỏ thuế quan; • Chương 13: Thương mại và Phát triển bền vững.	Thương mại tự do (FTA thế hệ mới)	30/06/2019	01/08/2020 (Phê chuẩn & Có hiệu lực)	Còn hiệu lực
3	RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership) • Điều 3.4: Quy tắc cộng gộp xuất xứ hàng hóa đối với nguyên liệu, khoáng sản và sản phẩm VLXD.	Thương mại tự do khu vực / Quy tắc xuất xứ	15/11/2020	01/01/2022 (Có hiệu lực)	Còn hiệu lực
4	ATIGA	Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ASEAN Trade in Goods Agreement) • Điều 19: Tự do hóa thương mại, loại bỏ rào cản phi thuế quan và hạn chế định lượng trong lưu thông VLXD nội khối.	Thương mại hàng hóa nội khối ASEAN	26/02/2009	17/05/2010 (Có hiệu lực)	Còn hiệu lực
5	CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership Agreement) • Điều 20.15: Chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải thấp, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.	Thương mại tự do thế hệ mới / Môi trường & Tăng trưởng xanh	08/03/2018	14/01/2019 (Có hiệu lực đối với VN)	Còn hiệu lực

6	ASEAN MRA / BCMPWG	Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau của ASEAN về Vật liệu xây dựng và Sản phẩm xây dựng (ASEAN MRA on Building and Construction Materials) • Cơ chế hài hòa hóa tiêu chuẩn kỹ thuật và công nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp đối với VLXD.	Thừa nhận lẫn nhau / Tiêu chuẩn kỹ thuật VLXD	2009	Đã tham gia ký kết / Thực thi	Còn hiệu lực
II. Nhóm Công ước về Môi trường, Biến đổi khí hậu & Quản lý Chất thải/Khí thải						
7	Thỏa thuận Paris (UNFCCC)	Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu (Paris Agreement under UNFCCC) • Điều 4.2: Nghĩa vụ thực hiện NDC và mục tiêu phát thải ròng bằng '0' (Net Zero) vào năm 2050.	Biến đổi khí hậu / Giảm phát thải nhà kính (Net Zero)	12/12/2015	03/11/2016 (Phê chuẩn)	Còn hiệu lực
8	Công ước Basel	Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng (Basel Convention) • Điều 4: Giảm thiểu chất thải, quản lý an toàn và tái sử dụng chất thải công nghiệp làm nguyên liệu sản xuất VLXD.	Quản lý chất thải nguy hại & Kinh tế tuần hoàn	22/03/1989	13/03/1995 (Gia nhập)	Còn hiệu lực
9	Nghị định thư Montreal & Kigali	Nghị định thư Montreal và Bản sửa đổi, bổ sung Kigali (Montreal Protocol & Kigali Amendment) • Điều 2F, 2J: Lộ trình kiểm soát, loại trừ hoàn toàn chất trợ nở, phụ gia chứa HCFC-141b và HFCs trong sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt.	Bảo vệ tầng Ô-zôn / Kiểm soát chất trợ nở VLXD	16/09/1987 (Sửa đổi Kigali: 2016)	04/09/2019 (Phê chuẩn BĐ Kigali)	Còn hiệu lực
10	Công ước Minamata	Công ước Minamata về Thủy ngân (Minamata Convention on Mercury) • Điều 8 & Phụ lục D: Bắt buộc áp dụng Kỹ thuật	Kiểm soát ô nhiễm thủy ngân / Sản xuất Clinker Xi măng	10/10/2013	23/06/2017 (Phê chuẩn)	Còn hiệu lực

		hiện có tốt nhất (BAT) và Thực hành môi trường tốt nhất (BEP) để cắt giảm, kiểm soát phát thải thủy ngân từ sản xuất clinker xi măng.				
11	Công ước Stockholm	Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs) (Stockholm Convention on POPs) • Điều 5 & Phụ lục C: Kiểm soát, ngăn ngừa phát thải không chủ định Dioxin/Furan khi đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng nhiệt độ cao.	Kiểm soát chất ô nhiễm POPs / Đồng xử lý trong lò xi măng	22/05/2001	22/07/2002 (Phê chuẩn)	Còn hiệu lực

Kết quả rà soát: Qua rà soát 11 điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, 06 chính sách của dự án Luật Quản lý, phát triển Vật liệu xây dựng bảo đảm phù hợp với cam kết quốc tế, không phát sinh nội dung mâu thuẫn với các cam kết quốc tế nêu trên. Các chính sách còn góp phần tiếp tục nội luật hóa các cam kết quốc tế, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Khi quy định chi tiết về tiêu chuẩn, quy chuẩn, đánh giá sự phù hợp, truy xuất nguồn gốc, hàng rào kỹ thuật, xuất khẩu, nhập khẩu, dữ liệu và các công cụ giảm phát thải, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiếp tục bảo đảm nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, không tạo rào cản thương mại không cần thiết và tuân thủ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của Dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng. Nội dung rà soát chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

PHỤ LỤC

1. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN LUẬT

CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ ÁN LUẬT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chính sách 1: Hoàn thiện công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng	Chỉ thị số 03-CT/TW; Kết luận số 83-KL/TW; Kết luận số 17-KL/TW; Kết luận số 18-KL/TW; Nghị quyết số 66-NQ/TW.	Đã thể chế một phần. Chính sách tiếp tục cụ thể hóa yêu cầu hoàn thiện công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nâng cao dự báo và tổ chức thực hiện theo cơ chế thị trường.	Quy định ở mức khung về Chiến lược, Kế hoạch; quy hoạch thực hiện trong hệ thống quy hoạch theo Luật Quy hoạch; không ấn định công suất, sản lượng và không dùng Kế hoạch địa phương làm điều kiện đầu tư.
Chính sách 2: Hoàn thiện chính sách phát triển vật liệu xây dựng theo hướng đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng và thúc đẩy phát triển vật liệu xây dựng mới, vật liệu xanh	Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kết luận số 18-KL/TW; Chỉ thị số 03-CT/TW; Kết luận số 83-KL/TW; Kết luận số 81-KL/TW; Nghị quyết số 68-NQ/TW.	Đã thể chế một phần. Chính sách cụ thể hóa hiện đại hóa, xanh hóa, đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng và phát triển vật liệu mới, vật liệu xanh.	Luật quy định mục tiêu, nguyên tắc, nhóm ưu tiên và cơ chế kết nối; ưu đãi, thủ tục, điều kiện tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.
Chính sách 3: Hoàn thiện cơ chế quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng theo cơ chế thị trường, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường	Chỉ thị số 03-CT/TW; Kết luận số 83-KL/TW; Kết luận số 18-KL/TW.	Đã thể chế một phần. Chính sách cụ thể hóa yêu cầu sử dụng nguyên liệu tiết kiệm, chế biến sâu, hình thành chuỗi nguyên liệu ổn định và bảo đảm cung ứng VLXD thông thường cho phát triển hạ tầng.	Phân định rõ với thăm dò, khai thác khoáng sản; bổ sung dự báo, cảnh báo, phối hợp liên vùng về cát, đá, vật liệu san lấp; không phân bổ hành chính nguồn cung.
Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về sử dụng vật liệu xây	Chỉ thị số 03-CT/TW; Kết luận số 83-KL/TW; Nghị quyết số 66-	Đã thể chế một phần. Chính sách thúc đẩy sử dụng vật liệu mới,	Chỉ quy định yêu cầu chuyên ngành về vật liệu; giữ trình tự thi

dựng trong công trình xây dựng	NQ/TW; Kết luận số 18-KL/TW.	xanh, tái chế đồng thời bảo đảm chất lượng, an toàn công trình và quản lý theo rủi ro.	công, giám sát, nghiệm thu theo pháp luật xây dựng; tránh kiểm tra, thử nghiệm trùng lặp.
Chính sách 5: Thúc đẩy thu hồi, tái chế chất thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong công trình xây dựng; phát triển kinh tế tuần hoàn	Kết luận số 81-KL/TW; Chỉ thị số 03-CT/TW; Kết luận số 75-KL/TW; Kết luận số 83-KL/TW.	Đã thể chế một phần. Chính sách cụ thể hóa kinh tế tuần hoàn, tận dụng chất thải, phế thải, phụ phẩm và vật liệu thu hồi làm nguồn vật liệu thứ cấp.	Làm rõ điểm chuyển từ chất thải/phế thải sang nguyên liệu, sản phẩm VLXD; phân biệt vật liệu thu hồi trực tiếp với chất thải đã phát sinh; không quy định lại thủ tục quản lý chất thải.
Chính sách 6: Quản lý nhà nước, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng	Nghị quyết số 66-NQ/TW; Kết luận số 18-KL/TW; Kết luận số 76-KL/TW; Chỉ thị số 03-CT/TW; Kết luận số 83-KL/TW; Kết luận số 121-KL/TW.	Đã thể chế một phần. Chính sách cụ thể hóa yêu cầu phân định quản lý nhà nước, phân cấp, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành dùng chung.	Quy định Chính phủ thống nhất quản lý, phân định rõ trách nhiệm, phân công, phối hợp; xây dựng Hệ thống thông tin/CSDL VLXD liên thông, tái sử dụng dữ liệu, không thu thập hoặc yêu cầu báo cáo trùng lặp.

2. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN LUẬT

CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ ÁN LUẬT	VĂN BẢN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chính sách 1: Hoàn thiện công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng	Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15; Nghị định số 70/2026/NĐ-CP; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Nghị định số 209/2026/NĐ-CP.	Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất nếu công cụ quy hoạch được đặt trong đúng hệ thống quy hoạch, không ấn định công suất/sản lượng; Chiến lược và Kế hoạch có chức năng định hướng, dự báo, không thay thế thủ tục đầu tư.	Quy định khung Chiến lược/Kế hoạch và cơ chế theo dõi, đánh giá; nội dung quy hoạch thực hiện theo Luật Quy hoạch; không sử dụng Kế hoạch địa phương làm điều kiện đầu tư.
Chính sách 2: Hoàn thiện chính sách phát triển vật liệu xây dựng theo hướng đổi mới công nghệ, sử dụng	Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; Luật Khoa học, công nghệ	Các pháp luật chuyên ngành đã quy định phân lớn ưu đãi, điều kiện, thủ tục và quản lý chất lượng. Luật VLXD cần làm rõ nhóm vật	Quy định mục tiêu, nguyên tắc, nhóm ưu tiên và chuỗi R&D - thử nghiệm - tiêu chuẩn hóa - thương mại hóa; ưu đãi, thủ tục và điều kiện

dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng và thúc đẩy phát triển vật liệu xây dựng mới, vật liệu xanh	và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; pháp luật thuế, đất đai, tín dụng, môi trường, năng lượng; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật tiêu chuẩn, quy chuẩn.	liệu/công nghệ ưu tiên và yêu cầu phát triển đặc thù, không tạo cơ chế ưu đãi hoặc kiểm tra riêng trùng lặp.	thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.
Chính sách 3: Hoàn thiện cơ chế quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng theo cơ chế thị trường, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường	Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi bởi Luật số 147/2025/QH15; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP; Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 209/2026/NĐ-CP.	Thăm dò, khai thác và cấp quyền khoáng sản đã được điều chỉnh. Luật VLXD chỉ nên điều chỉnh chế biến, sử dụng và thị trường nguyên liệu; đồng thời bổ sung khung dự báo, cảnh báo và phối hợp cung - cầu VLXD thông thường trên cơ sở dữ liệu.	Dẫn chiếu pháp luật khoáng sản; bảo đảm quyền lựa chọn nguồn nguyên liệu hợp pháp; bổ sung dự báo, cảnh báo, phối hợp liên tỉnh/liên vùng về vật liệu thông thường; không phân bổ hành chính nguồn cung.
Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về sử dụng vật liệu xây dựng trong công trình xây dựng	Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Nghị định số 209/2026/NĐ-CP; pháp luật quản lý chất lượng công trình; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; Thông tư số 41/2026/TT-BXD; pháp luật tiêu chuẩn, quy chuẩn.	Khuôn khổ hiện hành tương đối đầy đủ nhưng phân tán. Cần phân định rõ chất lượng sản phẩm/hàng hóa với chất lượng công trình, kế thừa kết quả đánh giá sự phù hợp và tạo hành lang kỹ thuật cho vật liệu mới, vật liệu tái chế.	Hệ thống hóa yêu cầu đối với vật liệu; giữ trách nhiệm thi công, giám sát, nghiệm thu theo pháp luật xây dựng; không cấp phép sản phẩm hoặc thử nghiệm lặp lại không cần thiết.
Chính sách 5: Thúc đẩy thu hồi, tái chế chất thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong công trình xây dựng; phát triển kinh tế tuần hoàn	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và văn bản hướng dẫn; Nghị định số 209/2026/NĐ-CP; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; pháp luật tiêu chuẩn, quy chuẩn; pháp luật địa chất, khoáng sản đối với đất đá thải mỏ, quặng đuôi.	Có cơ sở pháp lý về quản lý chất thải, kinh tế tuần hoàn và sử dụng chất thải làm nguyên liệu/VLXD. Khoảng trống chủ yếu là giao diện từ chất thải/phế thải/vật liệu thu hồi sang nguyên liệu, sản phẩm VLXD và tổ chức thị trường vật liệu thứ cấp.	Luật VLXD quy định nguyên tắc sử dụng sau khi đáp ứng yêu cầu môi trường, kỹ thuật, chất lượng; phân biệt vật liệu thu hồi trực tiếp với chất thải đã phát sinh; không quy định lại thủ tục quản lý chất thải.
Chính sách 6: Quản lý nhà nước, chuyển	Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;	Phù hợp nếu bảo đảm Chính phủ thống nhất	Quy định nguyên tắc quản lý, phối hợp, phân

đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15; Nghị định số 209/2026/NĐ-CP; pháp luật về Hệ thống thông tin, CSDL quốc gia hoạt động xây dựng.	quản lý, phân cấp gắn trách nhiệm; CSDL VLXD được thiết kế liên thông, có nguồn dữ liệu gốc, chuẩn kết nối và không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có.	cấp; thiết lập Hệ thống thông tin/CSDL VLXD dùng chung, kết nối và tái sử dụng dữ liệu; quản lý ngành dựa trên dữ liệu và rủi ro.
---	---	---	---

3. KẾT QUẢ RÀ SOÁT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN LUẬT

CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ ÁN LUẬT	VĂN BẢN QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chính sách 2, Chính sách 4	Hiệp định TBT của WTO; EVFTA, CPTPP và các FTA có quy định liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn, đánh giá sự phù hợp.	Tương thích nếu biện pháp kỹ thuật được áp dụng minh bạch, không phân biệt đối xử, dựa trên mục tiêu chính đáng và không tạo cản trở thương mại không cần thiết.	Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ minh bạch, thông báo TBT khi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật và biện pháp kỹ thuật thuộc phạm vi áp dụng; tăng hài hòa tiêu chuẩn và công nhận kết quả theo pháp luật, điều ước quốc tế.
Chính sách 2, Chính sách 5	Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; Công ước Basel; Nghị định thư Montreal và Bản sửa đổi Kigali; Công ước Minamata; Công ước Stockholm.	Định hướng phát triển VLXD xanh, phát thải thấp, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn vật liệu thứ cấp và kiểm soát phát thải phù hợp với các nghĩa vụ môi trường có liên quan, nếu từng công cụ được thực hiện đúng phạm vi của điều ước và pháp luật quốc gia.	Quy định ở mức nguyên tắc trong Luật VLXD; giảm phát thải, quản lý chất thải, hóa chất và môi trường thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và cam kết quốc tế.
Chính sách 3	WTO/GATT; ATIGA; RCEP; CPTPP;	Quyền mua bán, nhập khẩu nguyên	Không thiết kế hạn chế thương mại riêng

	EVFTA và các cam kết liên quan đến thương mại hàng hóa, xuất nhập khẩu, không phân biệt đối xử.	liệu hợp pháp và quản lý xuất khẩu theo pháp luật ngoại thương là tương thích nếu không tạo hạn chế thương mại trái cam kết.	trong Luật VLXD; quản lý xuất nhập khẩu thực hiện theo pháp luật quản lý ngoại thương và điều ước quốc tế.
Chính sách 6	Các cam kết quốc tế có nội dung liên quan đến thương mại số, dữ liệu, bảo vệ thông tin và sở hữu trí tuệ trong các FTA mà Việt Nam là thành viên.	Chính sách dữ liệu VLXD tương thích nếu tuân thủ pháp luật về dữ liệu, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nghĩa vụ quốc tế.	Không thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới riêng trong Luật VLXD; thực hiện theo pháp luật dữ liệu, an toàn thông tin, sở hữu trí tuệ và điều ước quốc tế.